

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 10 năm 2023

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2023 - 2024
Khoa: ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	Kỹ thuật Cơ điện tử (CĐT)	0714002290	Tiểu luận				
2	Kỹ thuật thủy lực - khí nén (CĐT)	0714002291	Tự luận	90'		x	
3	Lập trình PLC (ĐĐT)	0714002287	Tự luận	90'		x	
4	Trang bị điện (ĐCN)	0714000295	Tự luận	90'		x	
5	Tự động hóa quá trình công nghệ (TĐH)	0714002720	Tự luận	90'		x	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Điện tử cơ bản (CĐT, ĐCN, ĐĐT, TĐH)	0714001670	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Máy điện (ĐCN, ĐĐT)	0714002072	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	An toàn điện (ĐĐT, ĐCN)	0714001667	Tự luận	90'		x	
2	An toàn lao động (CĐT)	0714002137	Tự luận	90'		x	
3	Khí cụ điện (ĐĐT, ĐCN)	0714001669	Tự luận	90'		x	
2021 CAO ĐẲNG CLC LIÊN KẾT QUỐC TẾ (C7)							
1	Truyền động điện và ứng dụng (ĐCN)	0222000209	Tự luận	90'		x	
2022 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Cung cấp điện (ĐĐT)	0211000236	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Điện tử công suất (ĐĐT, TĐH)	0211000039	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Kỹ thuật chiếu sáng (ĐCN)	0211000081	Tự luận	90'		x	
4	Kỹ thuật lắp đặt điện (ĐCN)	0211001419	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Kỹ thuật thủy lực - khí nén (CĐT)	0211001873	Tự luận	90'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
6	Lập trình PLC (ĐĐT, TĐH, CĐT)	0211001287	Tự luận	90'		x	
7	Tính toán và sửa chữa máy điện (ĐCN)	0211001422	Tự luận	90'	x		
8	Trang bị điện (ĐĐT, ĐCN)	0211000295	Tự luận	90'		x	
9	Tự động hóa quá trình công nghệ (TĐH)	0211000212	Tự luận	90'		x	
10	Vi xử lý (ĐĐT, CĐT, TĐH)	0211000222	Tự luận	90'		x	

2022 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (22C2B)

1	Kỹ thuật bảo trì bảo dưỡng (ĐCN)	0224002727	Tiểu luận				
2	Kỹ thuật chiếu sáng (ĐĐT)	0224000081	Tự luận	90'		x	
3	Kỹ thuật Robot (CĐT)	0224000373	Tiểu luận				
4	Năng lượng tái tạo (ĐCN)	0224002256	Tiểu luận				
5	Quản lý tòa nhà (ĐCN)	0224002265	Tiểu luận				
6	Truyền động điện và ứng dụng (ĐĐT)	0224000209	Tự luận	90'		x	
7	Tự động hóa quá trình công nghệ (ĐCN, ĐĐT)	0224000212	Tự luận	90'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 10 năm 2023

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/ 2023 - 2024
Khoa: NHIỆT - LẠNH

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	Bơm - Quạt - Máy nén (VSL)	0714001659	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Kỹ thuật điều hòa không khí (KML)	0714001930	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Máy và thiết bị lạnh (KML, VSL)	0714002293	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Trang bị điện hệ thống lạnh (KML, VSL)	0714001655	Tự luận	90'		x	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Cơ sở kỹ thuật Điện - Điện tử (KML, VSL)	0714002205	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Nhiệt động kỹ thuật (KML, VSL)	0714001975	Tự luận	90'	x		
2022 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Bơm - Quạt - Máy nén (KML, VSL)	0211001425	Trắc nghiệm	60'		x	
2	CAD ứng dụng chuyên ngành (CNL, KML, VSL)	0211002218	Thi trên máy tính	90'		x	
3	Kỹ thuật điều hòa không khí (CNL, KML, VSL)	0211000706	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Kỹ thuật lạnh thực phẩm (KML)	0211000087	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Máy và thiết bị lạnh (CNL, KML, VSL)	0211002135	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Thiết kế sơ bộ hệ thống điều hòa không khí (CNL)	0211002296	Tiểu luận				
7	Tính toán thiết bị trao đổi nhiệt (CNL)	0211002411	Tự luận	90'	x		
8	Tự động hóa hệ thống lạnh (VSL)	0211001440	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (22C2B)							
1	Chuyên đề máy lạnh (KML)	0224001435	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Kỹ thuật sấy (VSL)	0224000090	Tự luận	90'	x		

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
3	Lò hơi (VSL)	0224000898	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Nhà máy nhiệt điện (KML)	0224002415	Tự luận	90'	x		
5	Thiết kế kho lạnh (LĐL)	0224002725	Tự luận	90'	x		
6	Thiết kế kho lạnh (VSL)	0224000857	Tự luận	90'	x		
7	Thông gió và xử lý khí thải (KML)	0224002417	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Tiết kiệm năng lượng trong hệ thống lạnh (LĐL)	0224002726	Trắc nghiệm	60'		x	
9	Tiết kiệm năng lượng trong hệ thống lạnh (VSL)	0224002412	Trắc nghiệm	60'		x	
10	Vận hành và bảo trì hệ thống lạnh (KML)	0224000893	Trắc nghiệm	60'		x	
11	Vận hành và bảo trì hệ thống lạnh (VSL)	0224001430	Trắc nghiệm	60'		x	



TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 10 năm 2023

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1 /2023 - 2024
Khoa: CƠ KHÍ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	Công nghệ chế tạo máy (CCK)	0714001648	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Công nghệ chế tạo máy 1 (CTM)	0714000029	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Kỹ thuật chế tạo 1 (CKC)	0714001881	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Lập trình CNC (CCK, CKC, CTM)	0714001639	Thi trên máy tính	120'		x	
5	Nguyên lý - Chi tiết máy (CNÔ)	0714001625	Tự luận	90'	x		
6	Nguyên lý cắt kim loại (CCK)	0714001647	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Dung sai - Kỹ thuật đo (CCK, CKC, CTM)	0714001632	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	An toàn lao động (CCK, CTM)	0714001068	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Vẽ kỹ thuật (CĐT)	0714001078	Tự luận	60'		x	
2021 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Các phương pháp gia công cơ khí hiện đại (CTM)	0211002420	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Công nghệ chế tạo máy (CTM)	0211000861	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Cơ lý thuyết (CNÔ)	0211000024	Tự luận	90'	x		
2	Lập trình CNC (CCK, CTM)	0211001453	Thi trên máy tính	120'		x	
3	Máy cắt kim loại (CCK, CTM)	0211001234	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Nguyên lý - Chi tiết máy (CCK, CTM)	0211001253	Tự luận	90'	x		

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
5	Nguyên lý - Chi tiết máy (CĐT)	0211001250	Tự luận	90'	x		
6	Nguyên lý cắt kim loại (CCK, CTM)	0211000273	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Sức bền vật liệu (CNÔ)	0211000141	Tự luận	90'	x		
8	Thiết kế CAD cơ bản (CĐT)	0211001955	Tiểu luận				
9	Trang bị điện trong máy cắt kim loại (CCK, CTM)	0211000780	Trắc nghiệm	60'		x	

2022 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (22C2B)

1	Các phương pháp gia công cơ khí hiện đại (CCK)	0224002420	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Robot công nghiệp (CCK)	0224003204	Tự luận	90'	x		

2022 CAO ĐẲNG CLC (C3)

1	Công nghệ khuôn mẫu (CCK)	0201002492	Tiểu luận				
2	Lập trình CNC (CCK)	0201003068	Thi trên máy tính	120'		x	

2022 CAO ĐẲNG CLC TTTN NHẬT (C6)

1	Sức bền vật liệu (CNÔ)	0221000141	Tự luận	90'	x		
---	------------------------	------------	---------	-----	---	--	--

2022 CAO ĐẲNG CLC LIÊN KẾT QUỐC TẾ (C7)

1	Công nghệ khuôn mẫu (CCK)	0222002492	Tiểu luận				
2	Hệ thống truyền động cơ khí (Power Drives) (CCK)	0222003076	Tự luận	90'	x		
3	Ứng dụng CAD trong thiết kế cơ khí (CCK)	0222003078	Tiểu luận				
4	Ứng dụng công nghệ thông tin trong kỹ thuật (Engineering Applying Information Technology) (CCK)	0222003077	Thi trên máy tính	120'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 10 năm 2023

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2023 - 2024
Khoa: ĐỘNG LỰC

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	Lý thuyết gầm Ôtô (CNÔ)	0714001629	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Điện kỹ thuật (CNÔ)	0714001359	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Điện tử cơ bản (CNÔ)	0714001620	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Động cơ đốt trong (CNÔ)	0714002075	Trắc nghiệm	60'		x	
2021 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Hệ thống phanh trên ô tô hiện đại (CNÔ)	0201001481	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Quản lý dịch vụ ô tô (CNÔ)	0201000135	Tiểu luận				
2021 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH VINFAST (C5)							
1	Hệ thống phanh trên ô tô hiện đại (CNÔ)	0220001481	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Quản lý dịch vụ ô tô (CNÔ)	0220000135	Tiểu luận				
2022 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Lý thuyết gầm Ôtô (CNÔ)	0211001475	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (22C2B)							
1	Khí xả và vấn đề ô nhiễm môi trường (CNÔ)	0224000069	Tiểu luận				
2	Quản lý dịch vụ ô tô (CNÔ)	0224000135	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Lý thuyết gầm Ôtô (CNÔ)	0201001475	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG CLC TTTN NHẬT (C6)							
1	Lý thuyết gầm Ôtô (CNÔ)	0221001475	Trắc nghiệm	60'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 10 năm 2023

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2023 - 2024
Khoa: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	Kỹ thuật hack (ANM)	0714002907	Tiểu luận				
2	Lập trình cơ sở dữ liệu (LTM)	0714002881	Thi trên máy tính	120'	x		
3	Lập trình Java (THU)	0714002859	Thi trên máy tính	120'	x		
4	Lập trình PHP (TKW)	0714002961	Thi trên máy tính	120'	x		
5	Quản trị mạng trên Linux (QTM)	0714002950	Tiểu luận				
6	Sửa chữa máy tính (CMT)	0714002919	Tiểu luận				
7	Thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu (TKĐ)	0714002971	Tiểu luận				
8	Thiết kế quảng cáo (ĐHĐ)	0714002932	Tiểu luận				
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Cơ sở dữ liệu (QTM, CMT, ANM)	0714002845	Tự luận	90'		x	
2	Kỹ thuật lập trình (THU)	0714002901	Tự luận	90'		x	
3	Lập trình hướng đối tượng (LTM, TKW)	0714002939	Thi trên máy tính	120'	x		
4	Mạng máy tính và quản trị mạng (QTM, CMT, ANM)	0714002903	Trắc nghiệm online	60'		x	
5	Mỹ thuật cơ bản (ĐHĐ)	0714002829	Tiểu luận				
6	Nguyên lý tạo hình (TKĐ)	0714002872	Tiểu luận				
7	Trang trí 1 (TKĐ)	0714002828	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Mạng máy tính và quản trị mạng (CMT, QTM)	0714003275	Trắc nghiệm online	60'		x	
2	Mỹ thuật cơ bản (TKĐ)	0714002829	Tiểu luận				
3	Phần cứng và mạng máy tính (ĐHĐ, LTM, TKW, THU)	0714002867	Trắc nghiệm online	60'		x	
4	Tin học (NNA, NHQ, NTN)	0714002070	Thi trên máy tính	90'		x	
2021 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Lập trình trên thiết bị di động (LTM)	0201002959	Thi trên máy tính	120'	x		
2021 CAO ĐẲNG CLC LIÊN KẾT QUỐC TẾ (C7)							
1	Giải pháp thương mại điện tử (E-commerce Solutions) (LTM)	0222003096	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Lập trình PHP (LTM)	0222002942	Thi trên máy tính	120'	x		
2022 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Công nghệ và Dịch vụ Web (TKW)	0211003111	Thi trên máy tính	120'	x		
2	Hệ thống mạng (CMT)	0211002922	Tiểu luận				
3	Kỹ thuật số (CMT)	0211002917	Trắc nghiệm online	60'		x	
4	Lập trình cơ sở dữ liệu (LTM, THU, TKW)	0211002881	Thi trên máy tính	120'	x		
5	Lập trình hướng đối tượng (LTM, TKW)	0211002999	Thi trên máy tính	120'	x		
6	Lập trình mạng (LTM)	0211003002	Thi trên máy tính	120'	x		
7	Nghệ thuật chữ (TKĐ)	0211002969	Tiểu luận				
8	Ngôn ngữ Java (THU)	0211003319	Thi trên máy tính	120'	x		
9	Phân tích và thiết kế hệ thống (CMT, LTM, ATM, THU, TKW)	0211002987	Tiểu luận				
10	Quản trị mạng trên Linux (QTM)	0211002950	Trắc nghiệm online	60'		x	
11	Sửa chữa máy tính (CMT)	0211002919	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
12	Thiết bị mạng (QTM)	0211003007	Tiểu luận				
13	Thiết kế trang Web (CMT, QTM)	0211002990	Thi trên máy tính	120'	x		
14	Thiết kế Web (LTM, THU, TKĐ, TKW)	0211003001	Thi trên máy tính	120'	x		
15	Thiết lập hệ thống mạng (QTM)	0211003008	Tiểu luận				
16	Tin học(CNÔ, NNA, NTN, CNL, KML, VSL)	0211002028	Thi trên máy tính	90'		x	
17	Trang trí 2 (TKĐ)	0211003021	Tiểu luận				
18	Ý tưởng sáng tạo (TKĐ)	0211002871	Tiểu luận				
2022 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (22C2B)							
1	An toàn mạng không dây và di động (ANM)	0224003189	Tiểu luận				
2	Dựng video (THU, TKĐ)	0224003108	Tiểu luận				
3	Lập trình hệ thống nhúng (LTM)	0224002943	Tự luận	90'		x	
4	Kỹ thuật SEO Web (TKW)	0224002887	Tiểu luận				
5	Lập trình mạng (LTM, TKW)	0224003221	Thi trên máy tính	120'	x		
6	Lập trình trên thiết bị di động (THU)	0224003219	Thi trên máy tính	120'	x		
7	Thiết kế Animation 4D (TKĐ)	0224003201	Tiểu luận				
8	Thiết kế trang Web (CMT, QTM, ANM)	0224002990	Thi trên máy tính	120'	x		
2022 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Tin học (CNÔ)	0201002028	Thi trên máy tính	90'		x	
2022 CAO ĐẲNG CLC TTTN NHẬT (C6)							
1	Tin học (CNÔ)	0221002028	Thi trên máy tính	90'		x	
2022 CAO ĐẲNG CLC LIÊN KẾT QUỐC TẾ (C7)							
1	Kỹ thuật Hack (Ethical Hacking) (LTM)	0222003091	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2	Lập trình Java (LTM)	0222003089	Thi trên máy tính	120'	x		
3	Thiết kế Web (LTM)	0222003001	Thi trên máy tính	120'	x		



TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 10 năm 2023

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2023 - 2024
Khoa: MAY - THỜI TRANG

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	Công nghệ CAD ngành may (CNM)	0714002331	Thi trên máy tính	90'		x	
2	Thiết kế rập (CNM)	0714001962	Tự luận	90'		x	
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Thiết kế trang phục 1 (CNM)	0714000909	Tự luận	90'	x		
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Mỹ thuật trang phục (CNM)	0714002078	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Công nghệ sản xuất may công nghiệp (CNM)	0211001526	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Marketing hàng may mặc (CNM)	0211002385	Tự luận	90'		x	
3	Thiết kế trang phục 2 (CNM)	0211000150	Tự luận	90'		x	
2022 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (22C2B)							
1	Quản lý đơn hàng (CNM)	0224000136	Tự luận	90'		x	

KI HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 10 năm 2023

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2023 - 2024
Khoa: KINH TẾ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	Chế biến bánh Việt Nam (KLB)	0714002526	Thực hành	150'	x		
2	Địa lý và tài nguyên du lịch (QDL)	0714002771	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Dịch vụ kho hàng và trung tâm phân phối (LGT)	0714002353	Tự luận	90'		x	
4	Kế toán quản trị (KTD)	0714002340	Tự luận	90'		x	
5	Kế toán thương mại dịch vụ (KTD)	0714001735	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Khởi nghiệp kinh doanh thương mại điện tử (TMĐ)	0714002832	Tiểu luận				
7	Luật du lịch Việt Nam (QLH)	0714002531	Tự luận	90'	x		
8	Marketing du lịch (KLB)	0714002551	Tự luận	90'		x	
9	Marketing du lịch (QLH)	0714002393	Tự luận	90'		x	
10	Nghiệp vụ hải quan (LGT)	0714002356	Tự luận	90'		x	
11	Nghiệp vụ ngân hàng (TCD)	0714002358	Tự luận	90'		x	
12	Nghiệp vụ nhà hàng trong quản trị khách sạn (QKS)	0714002980	Thực hành	90'		x	
13	Nghiệp vụ pha chế và phục vụ đồ uống trong nhà hàng (QNH)	0714002982	Thực hành	120'		x	
14	Nghiệp vụ tổ chức hội họp, hội nghị, hội thảo (QDL)	0714002562	Tự luận	90'		x	
15	Phát triển sản phẩm mới (KLB)	0714002595	Trắc nghiệm	60'		x	
16	Quản lý chất lượng dịch vụ (QDL)	0714002770	Tự luận	90'		x	
17	Quản trị khu du lịch (QNH)	0714002742	Tự luận	60'		x	
18	Quản trị tài chính (KTD)	0714002043	Tự luận	90'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
19	Quản trị tiệc trong nhà hàng (QNH)	0714002654	Tự luận	90'		x	
20	Thanh toán điện tử (TMĐ)	0714002876	Tự luận	90'		x	
21	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (QTD, TCD)	0714002346	Tự luận	90'		x	
22	Tuyến điểm du lịch Việt Nam (QLH)	0714002785	Tự luận	90'		x	
23	Xây dựng chương trình du lịch (QLH)	0714002786	Tự luận	90'		x	

2022 TRUNG CẤP (T4)

1	Điều hành vận tải (LGT)	0714002350	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Hệ sinh thái thương mại điện tử (TMĐ)	0714002836	Tự luận	90'		x	
3	Kế toán tài chính 1 (KTD)	0714003333	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Kinh tế vi mô (QTD)	0714001721	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Nghệp vụ lễ tân trong khách sạn (QKS)	0714002979	Thực hành	90'		x	
6	Nghệp vụ nhà hàng (QNH)	0714002736	Thực hành	180'		x	
7	Nghệp vụ tổ chức du lịch Mice (QDL)	0714002773	Thực hành	180'			
8	Nghệp vụ tổ chức hội họp, hội nghị, hội thảo (QKS)	0714002562	Tự luận	90'		x	
9	Nguyên lý kế toán (QTD)	0714002022	Trắc nghiệm	60'		x	
10	Nguyên lý thống kê (TCD)	0714003332	Trắc nghiệm	60'		x	
11	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu (LGT)	0714002349	Tự luận	90'	x		
12	Quản trị học (KTD)	0714002090	Tự luận	90'	x		
13	Quản trị kinh doanh lữ hành (QDL)	0714002765	Tự luận	90'	x		
14	Quản trị thương mại điện tử (TMĐ)	0714002833	Tự luận	90'		x	
15	Tài chính doanh nghiệp 1 (TCD)	0714001898	Tự luận	90'		x	
16	Xây dựng thực đơn (QNH)	0714002566	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Bao bì - Đóng gói hàng hóa (LGT)	0714002351	Tự luận	90'	x		
2	Chế biến bánh Việt Nam (KLB)	0714002526	Thực hành	150'	x		
3	Giao tiếp trong du lịch (QKS, QNH)	0714002529	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Kinh tế vi mô (QTD)	0714001721	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Logistics cơ bản (LGT)	0714001795	Tự luận	90'	x		
6	Luật kinh tế (KTD)	0714002559	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Marketing điện tử (TMD)	0714000550	Tự luận	90'		x	
8	Marketing du lịch MICE (QDL)	0714002535	Tự luận	90'		x	
9	Nghệp vụ văn phòng (QKS)	0714002280	Trắc nghiệm	60'		x	
10	Nguyên lý kế toán (KTD)	0714002022	Trắc nghiệm	60'		x	
11	Nhập môn Thương mại điện tử (TMD)	0714002822	Tự luận	90'		x	
12	Quản trị học (QTD)	0714002090	Trắc nghiệm	60'		x	
13	Tâm lý khách du lịch (QDL, QNH)	0714002278	Trắc nghiệm	60'		x	
14	Tổng quan bếp bánh (KBL)	0714002284	Tự luận	90'		x	
15	Tổng quan du lịch và khách sạn (KLB)	0714002283	Tự luận	90'		x	
16	Tổng quan về du lịch (QLH, QDL, QNH)	0714002277	Tự luận	90'		x	
2021 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Quản trị chất lượng (QTD)	0211002458	Tự luận	90'	x		
2	Quản trị doanh nghiệp (QTD)	0211002454	Tự luận	90'	x		
3	Quản trị tác nghiệp (QTD)	0211002140	Tự luận	90'		x	
4	Quản trị tài nguyên nhân sự (QTD)	0211002452	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Dịch vụ kho hàng và trung tâm phân phối (LGT)	0211002353	Tự luận	90'		x	
2	Kế toán doanh nghiệp (QTD)	0211001536	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Kế toán tài chính 2 (KTD)	0211003301	Tự luận	90'		x	
4	Khởi nghiệp kinh doanh thương mại điện tử (TMĐ)	0211002832	Tiểu luận				
5	Marketing căn bản (KTD)	0211001314	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Nghiệp vụ ngoại thương (LGT)	0211002459	Tự luận	90'		x	
7	Nghiệp vụ nhà hàng (QNH)	0211002736	Thực hành	180'		x	
8	Nghiệp vụ nhà hàng trong quản trị khách sạn (QKS)	0211002636	Thực hành	90'		x	
9	Nghiệp vụ pha chế và phục vụ đồ uống trong nhà hàng (QNH)	0211002648	Thực hành	90'		x	
10	Nghiệp vụ văn phòng (QLH)	0211002280	Tự luận	90'		x	
11	Phát triển sản phẩm mới (KLB)	0211002595	Tiểu luận				
12	Quản trị buồng khách sạn (QKS)	0211002637	Tự luận	90		x	
13	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu (LGT)	0211002349	Tự luận	90'	x		
14	Quản trị doanh nghiệp (QTD)	0211002454	Tự luận	90'		x	
15	Quản trị khu du lịch (QNH)	0211002649	Tự luận	60'		x	
16	Quản trị Marketing (QTD)	0211002451	Tự luận	90'		x	
17	Quản trị tài nguyên nhân sự (QTD)	0211002452	Tự luận	90'		x	
18	Quản trị thương hiệu điện tử (TMĐ)	0211002834	Tiểu luận				
19	Quản trị thương mại điện tử (TMĐ)	0211002833	Tự luận	90'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
20	Quản trị tiền sảnh (QKS)	0211002639	Trắc nghiệm	60'		x	
21	Quản trị văn phòng (QTD)	0211002453	Trắc nghiệm	60'		x	
22	Tài chính - tiền tệ (KTD)	0211002560	Tự luận	90'		x	
23	Thiết kế và điều hành tour (QLH)	0211003311	Tự luận	90'		x	
24	Thuế (KTD)	0211002242	Trắc nghiệm	60'		x	
25	Tổ chức hoạt náo (QLH)	0211003310	Thực hành	180'			
26	Tuyến điểm du lịch Việt Nam (QLH)	0211003308	Tự luận	90'		x	
27	Văn hóa doanh nghiệp (TMĐ)	0211002241	Tự luận	90'		x	

2022 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (22C2B)

1	E-Logistics (LGT)	0224003326	Tự luận	90'		x	
2	Kế toán doanh nghiệp 3 (KTD)	0224002485	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Kế toán trên phần mềm Misa (KTD)	0224002486	Thi trên máy tính	90'		x	
4	Kinh doanh quốc tế (QTD)	0224002490	Tự luận	90'	x		
5	Phân tích báo cáo tài chính (TCD)	0224003170	Tự luận	90'		x	
6	Quản lý và khai thác cảng (LGT)	0224003325	Tự luận	90'	x		
7	Quản trị chất lượng (QTD)	0224002458	Tự luận	90'	x		
8	Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng (LGT)	0224003324	Trắc nghiệm	60'		x	
9	Quản trị tài nguyên nhân sự (QTD)	0224002488	Tự luận	90'		x	
10	Rủi ro bảo hiểm (LGT)	0224002461	Tự luận	90'		x	
11	Tài chính quốc tế (TCD)	0224002359	Tự luận	90'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
12	Thanh toán quốc tế (KTD)	0224002044	Tự luận	90'	x		
13	Thanh toán quốc tế (TCD)	0224003169	Tự luận	90'	x		
14	Thị trường chứng khoán (TCD)	0224002343	Tự luận	90'		x	
15	Thị trường tài chính (KTD)	0224002487	Tự luận	90'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 10 năm 2023

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2023 - 2024
Khoa: XÂY DỰNG

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	Kết cấu bê tông - cốt thép (KXD)	0714002375	Tự luận	90'	x		
2	Kết cấu thép (KXD)	0714002380	Tự luận	60'	x		
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Địa chất, cơ đất, nền móng (KXD)	0714002098	Tự luận	90'	x		
2	Kiến trúc công trình (KXD)	0714002177	Tự luận	60'	x		
3	Kỹ thuật thi công (KXD)	0714002374	Trắc nghiệm	90'		x	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Cơ học xây dựng (KXD)	0714002099	Tự luận	90'	x		
2	Trắc địa đại cương (KXD)	0714002088	Tự luận	60'	x		
2022 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Kết cấu bê tông - cốt thép 2 (KXD)	0211001841	Tự luận	60'	x		
2	Kết cấu thép (KXD)	0211002380	Tự luận	60'	x		
3	Kỹ thuật thi công (KXD)	0211002374	Trắc nghiệm	90'		x	
4	Thiết kế kiến trúc (KXD)	0211002108	Tự luận	90'	x		
5	Vật liệu xây dựng (KXD)	0211001803	Tự luận	60'	x		

KI HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 10 năm 2023

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2023 - 2024
Khoa: NGOẠI NGỮ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	Tiếng Anh 1 (Các ngành)	0714002071	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Tiếng Anh 2 (Các ngành)	0714002201	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Tiếng Hoa (NNA)	0714002372	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Viết (NNA)	0714002058	Tự luận	60'		x	
2022 TRUNG CẤP (T2)							
1	Tiếng Anh Đàm phán (NNA)	0713002086	Tiểu luận				
2022 TRUNG CẤP (T4)							
1	Nghe Tiếng Hàn (NHQ)	0714003031	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Nghe Tiếng Nhật (NTN)	0714003047	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Nói Tiếng Hàn (NHQ)	0714003032	Vấn đáp	120'		x	
4	Nói Tiếng Nhật (NTN)	0714003048	Vấn đáp	120'		x	
5	Phát âm (NNA)	0714002506	Vấn đáp	120'		x	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Cơ sở Văn hóa Việt Nam (NHQ, NTN)	0714002779	Tự luận	60'		x	
2	Ngữ pháp Tiếng Anh 1 (NNA)	0714001998	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Tiếng Việt Thực hành (NNA, NHQ, NTN)	0714003285	Tự luận	60'		x	
2021 CAO ĐẲNG CLC LIÊN KẾT QUỐC TẾ (C7)							
1	Biên dịch thương mại (NNA)	0222003104	Tự luận	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Tiếng Anh 1 (Các ngành)	0211002027	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Tiếng Anh 2 (Các ngành)	0211002254	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Tiếng Anh 3 (Các ngành)	0211002259	Trắc nghiệm	90'		x	
4	Tiếng Hoa (NNA)	0211002473	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (22C2B)							
1	Giao tiếp kinh doanh liên văn hóa (NNA)	0224002724	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Tiếng Anh Kinh doanh nâng cao (NNA)	0224002723	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Tiếng Anh Logistics (NNA)	0224002611	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Tiếng Anh Quản trị (NNA)	0224002610	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Tiếng Anh 1 (CCK, CNÔ)	0201002027	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Tiếng Anh 2 (CCK, CNÔ)	0201002254	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Tiếng Anh 3 (CCK, CNÔ)	0201002259	Trắc nghiệm	90'		x	
4	Tiếng Anh 4 (CCK, CNÔ)	0201002495	Vấn đáp	120'		x	
2022 CAO ĐẲNG CLC TTTN NHẬT (C6)							
1	Tiếng Anh 1 (CNÔ)	0221002027	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Tiếng Anh 2 (CNÔ)	0221002254	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Tiếng Anh 3 (CNÔ)	0221002259	Trắc nghiệm	90'		x	
4	Tiếng Anh 4 (CNÔ)	0221002495	Vấn đáp	120'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 CAO ĐẲNG CLC LIÊN KẾT QUỐC TẾ (C7)							
1	Tiếng Anh 1 (CCK, LTM)	0222002027	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Tiếng Anh 2 (CCK, LTM)	0222002254	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Tiếng Anh 3 (CCK, LTM)	0222002259	Trắc nghiệm	90'		x	
4	Tiếng Anh 4 (CCK, LTM)	0222002495	Vấn đáp	120'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

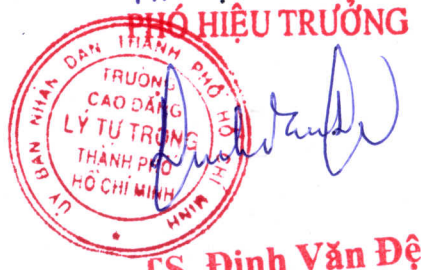


TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 10 năm 2023

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2023 - 2024
Khoa: KHOA HỌC CƠ BẢN

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (T4)							
1	Hóa học 3 (Các ngành)	0714001615	Tự luận	90'		x	
2	Lịch Sử 2 (QDL, QLH)	0714002759	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Ngữ văn 5 (QDL, QLH)	0714002761	Tự luận	90'		x	
4	Toán 5 (các ngành)	0714001617	Tự luận	90'		x	
5	Toán 5 (QDL, QLH)	0714002760	Tự luận	90'		x	
6	Vật lý 4 (Các ngành)	0714001616	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Giáo dục Quốc phòng và An ninh (LTM, CNÔ, CCK, KTD)	0714002069	Tiểu luận				

KI. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 10 năm 2023

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2023 - 2024
Khoa: LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Giáo dục chính trị (Các ngành)	0714001981	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Pháp luật (Các ngành)	0714001982	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Pháp luật (Các ngành)	0211002396	Trắc nghiệm	60'		x	

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ